

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGỌC HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGỌC HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC HA CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP ĐTXDCT NGỌC HÀ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109337587

**3. Ngày thành lập:** 14/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà 17 Đường X Khu 3 Đại Học Nông Nghiệp 1, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                         | 1610     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chi tiết: - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự, - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng. | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                | 1622     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                               | 1629     |
| 5.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                          | 3100     |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                      | 4101     |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                | 4102     |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                               | 4221     |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                    | 4222     |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                     | 4223     |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                      | 4229     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                             | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                 | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Làm sạch mặt bằng xây dựng                                                                                                                                                              | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                  | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                  | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, thông gió, hút bụi trong công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và các thiết bị, phụ tùng đi kèm - Tư vấn, thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, hệ thống chống trộm, báo động, chống sét trong công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330(Chính) |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4649        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện lạnh, vật liệu điện lạnh máy điều hòa không khí - Mua bán và lắp đặt máy móc, thiết bị thang máy công trình - Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, camera quan sát - Mua bán và lắp đặt hệ thống mạng thông tin, máy móc, máy tính, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng - Mua bán máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị cơ - điện lạnh - Mua bán và lắp đặt hệ thống máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, thiết bị điện tử, thiết bị nhà bếp, vệ sinh, màn hình Led, thiết bị truyền hình, thiết bị chiếu sáng công nghiệp và dân dụng | 4659        |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4752        |
| 24. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4753        |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4759        |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224        |
| 27. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế xây dựng công trình<br>- Giám sát thi công xây dựng<br>- Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy<br>- Thiết kế cơ - điện công trình<br>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình<br>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.                                                                                           | 7110        |

|     |                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất                                                       | 7410 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu tất cả các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRƯƠNG THỊ BÍCH PHƯỢNG | Thôn Hòa Bình, Xã Quỳnh Nghĩa, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 187678760                                                                                   |         |
|     |                        |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |           |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 2 | TRƯƠNG THỊ DUNG | Xóm 5, Xã Quỳnh Minh, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 50.000  | 500.000.000   | 10,000 | 187488963 |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 50.000  | 500.000.000   | 10,000 |           |
|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |           |
| 3 | TRƯƠNG ĐẮC NGỌC | Thôn Hòa Bình, Xã Quỳnh Nghĩa, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 350.000 | 3.500.000.000 | 70,000 | 186494344 |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                        | Tổng số                   | 350.000 | 3.500.000.000 | 70,000 |           |
|   |                 |                                                                        |                           |         |               |        |           |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯỜNG ĐẮC NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186494344

Ngày cấp: 15/03/2018

Nơi cấp: CA TỈNH NGHỆ AN

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hòa Bình, Xã Quỳnh Nghĩa, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 503 CT15 – Khu đô thị mới Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội